

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2022/HC-ST
Ngày: 12/8/2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thụ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Lộc.

2. Ông Hồ Bạch Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2013/TLST-HC ngày 02 tháng 4 năm 2013 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực xây dựng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HC ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-HC ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 130B ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành Lương, sinh năm 1966. Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2012.

Địa chỉ: 69/2 Nguyễn Khắc N, phường C, Quận 1, Thành phố H.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, Thành phố H.

Địa chỉ: đường R, xã L1, huyện C, Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn G, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 130B ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Trần Thành L trình bày:

[1] Vào năm 1989, gia đình bà L từ Trà V có đến khai hoang một khu đất hoang hóa, diện tích gần 3000m² tọa lạc tại xã L1, huyện C để đào ao nuôi tôm cá và có đắp một cái nền

làm nhà ở, khu đất này có bờ bao rõ ràng, tứ cận Đông giáp đất Ông K, Tây giáp đất Ông C, Nam giáp đường Duyên H, Bắc giáp đất Ông L. Trong quá trình sử dụng khu đất này, gia đình bà L có đăng ký tạm trú tại địa phương.

Ngày 25/07/1994 hộ gia đình bà L được Công an huyện C, thành phố H cấp Sổ hộ khẩu gia đình số 180002287, chủ hộ là Võ Thị Kim L, số nhà 130B ấp L, xã L1, huyện C. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật để được đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện C thì hộ gia đình bà L phải có thời gian sinh sống liên tục tại địa phương trên ba năm, tức là đã có thời gian sinh sống tại địa chỉ 130B ấp L, xã L1, huyện C từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993.

Vào năm 1998 Ủy ban nhân dân xã L1 có thương lượng với gia đình bà L nhường lại (không có bồi thường về đất) cho Ủy ban nhân dân xã L1 500m² đất thuộc khu đất gia đình bà L đang quản lý sử dụng từ năm 1989 để Ủy ban nhân dân xã L1 cấp cho Ông C (là sĩ quan công an huyện) làm nhà ở, vì lúc bấy giờ Ông C thuộc diện bị giải tỏa thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình trường tiểu học H. Ủy ban nhân dân xã L có lập biên bản rõ ràng về việc này với gia đình bà L và hứa sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất còn lại cho gia đình bà L nhưng không giao biên bản đó cho bà L.

Tháng 8 năm 1998 gia đình bà L có nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất trên, nhưng không được Ủy ban nhân dân huyện C xem xét giải quyết, tuy nhiên gia đình bà L hiện nay là người đang quản lý sử dụng hợp pháp khu đất này từ năm 1989 cho đến nay, không có bất kỳ sự tranh chấp quyền sử dụng khu đất này với ai.

Năm 2002, gia đình bà L có mở quán ăn uống bình dân, có đăng ký kinh doanh với Chính quyền địa phương, được Phòng đăng ký kinh doanh Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 41V8000405 ngày 31 tháng 10 năm 2002. Hàng quán của gia đình bà L được ký hợp đồng lắp đặt hai đồng hồ điện và một đồng hồ nước.

[2] Việc khai hoang, sử dụng đất của gia đình bà L đã diễn ra từ năm 1989 nhưng đến ngày 17/12/1998 Công an xã L1, huyện C đến nhà bà L lập biên bản vi phạm hành chính về đất đai đối với bà L, bà L không đồng ý ký vào biên bản bởi vì Công an xã L1 không có thẩm quyền này và bà L cũng không có hành vi nào vi phạm pháp luật về đất đai vào ngày này. Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính không số ngày 17/12/1998 của Công an xã L1, ngày 13/01/1999 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 58/QĐ-UB về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai và Quyết định số 57/QĐ-UB về đình chỉ đào đắp đất đối với bà L. Do hai quyết định này được ban hành trái thẩm quyền (vì Ủy ban nhân dân huyện không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính) và trái pháp luật (vì thời hiệu xử phạt đã hết và Công an xã L1 không có thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 17/12/1998), và hai quyết định này cũng không có nội dung nào điều chỉnh đến vị trí khu đất thuộc thửa số 216-4 tờ bản đồ số 5, xã L1, huyện C (theo số liệu CT02) thuộc khu đất nông nghiệp bà L đang quản lý sử dụng ổn định, hợp pháp từ năm 1989, được cấp sổ hộ khẩu và số nhà vào năm 1994.

[3] Ngày 15/07/2003 Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C tiếp tục mời bà L lên trụ sở ủy ban, lập biên bản vi phạm hành chính (không số) xác định là bà L có hành vi lấn chiếm đất đai, bà L không đồng ý ký tên vào biên bản vi phạm hành chính này bởi vì tại thời điểm lập biên bản bà L không có hành vi nào vi phạm pháp luật về đất đai, hơn nữa việc lập biên

bản được thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L1, không phải tại hiện trường xảy ra vụ việc vi phạm (nếu có). Do vậy, có thể khẳng định biên bản vi phạm hành chính (không số) ngày 15/07/2003 do Ủy ban nhân dân xã L1 lập là biên bản vi phạm hành chính trái pháp luật.

Ngày 30/07/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 636/QĐ.UB về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L nội dung quyết định thể hiện: “*Thu hồi phần diện tích 2020,01m² đất lấn chiếm không đền bù (trong đó có 667,78m² nằm trong lộ giới) thuộc một phần thửa 216-4 tờ bản đồ số 5, xã L1 và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trong lộ giới*”. Không đồng ý bà L đã khiếu nại quyết định này đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. H nhưng không được chấp nhận.

[4] Căn cứ vào Quyết định số 636/QĐ.UB ngày 30/07/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C tiếp tục ban hành Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 12/06/2006 về thu hồi khu đất có diện tích 2.383,5m² nhằm một phần các thửa 30, 31 thuộc tờ 77, xã L1 (bản đồ lập năm 2005), thu hồi khu đất nông nghiệp bà L đang quản lý sử dụng ổn định, hợp pháp từ năm 1989, được cấp hộ khẩu và sổ nhà vào năm 1994 để giao cho Ủy ban nhân dân xã L1 tiếp nhận quản lý. Quyết định thu hồi đất số 422/QĐ-UBND ngày 12/06/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C được ban hành trái thẩm quyền bởi vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, vi phạm quy định tại Điều 44 Luật Đất đai 2003, không có nội dung căn cứ thu hồi đất là vi phạm quy định tại Điều 38 Luật Đất đai 2003 về trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Do vậy, Quyết định thu hồi đất số 422/QĐ-UBND ngày 12/06/2006 không có giá trị về mặt pháp lý, và bà L cũng không có nghĩa vụ phải chấp hành theo quyết định này. Đồng thời cùng ngày 12/06/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 77/TB-UBND về kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ của bà L với tổng số tiền bồi thường là 31.485.000đ (ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn). Đây rõ ràng là hành vi trái pháp luật, bởi vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đai và bằng hình thức văn bản thông báo.

[5] Ngày 19/09/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 109/QĐ-UBND về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 636/QĐ.UB ngày 30/07/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 09/04/2008 Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ban hành Thông báo số 25/TB-UBND thông báo về thời gian thực hiện cưỡng chế. Nội dung thông báo thể hiện: “*Xét Kế hoạch số 03/KH-TTHQĐCC ngày 04/04/2008 của Tổ thi hành Quyết định cưỡng chế về tổ chức cưỡng chế thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác: . . .*” đối với các hộ dân bị ảnh hưởng trong phạm vi giải tỏa của dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R.

Ngày 12/04/2008 Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Thông báo số 50/TB-UBND về tổ chức cưỡng chế thu hồi đất, giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R. Trong danh sách các hộ bị tiến hành cưỡng chế thu hồi đất theo quyết định cưỡng chế của Huyện có hộ bà *Võ Thị Kim L, Địa chỉ: 130b ấp L, xã L1*, cưỡng chế theo Quyết định cưỡng chế số 109/QĐ-UBND ngày 19/09/2006.

Ngày 17/11/2008 lực lượng chức năng của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố H tiến hành thực hiện cưỡng chế thu hồi toàn bộ 2.383,5m² đất của gia đình bà L bàn giao cho

chủ đầu tư quản lý, trong đó có 662,2m² đất trong phạm vi ranh giải tỏa thực hiện dự án, 176,8m² đất xây dựng nhà ở và hàng quán buôn bán cũng bị phá dỡ, thu hồi. Nội dung Biên bản số 32/BB-TTrXD ngày 17/11/2008 thể hiện:

. . . “ Cùng tiến hành tổ chức thực hiện Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 19/09/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về cưỡng chế thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác đối với bà Võ Thị Kim Liên, sinh năm 1963. Địa chỉ: 130b ấp L, xã L1, huyện C, TP. H . . .

- Tổ công tác tiến hành cắm mốc thu hồi phần đất có diện tích 2.383,5m² và bàn giao phần đất trên cho chủ đầu tư quản lý.” . . .

Do vậy, có đầy đủ căn cứ để xác định rằng: Ngày 17/11/2008, Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố H tiến hành cưỡng chế thu hồi toàn bộ 2.383,5m² đất của gia đình bà L là thực hiện theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 19/09/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 636/QĐ.UB ngày 30/07/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (quyết định trái thẩm quyền về thu hồi đất như đã nêu trên), chứ không phải cưỡng chế thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R đối với gia đình bà L như nội dung Thông báo số 50/TB-UBND ngày 12/04/2008 của Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C. Đây là hành vi xóa trá, đánh lộn con đen.

Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố H tiến hành cưỡng chế thu hồi 2.383,5m² đất của gia đình bà L vào ngày 17/11/2008 khi chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm nghiêm trọng Điều 32 Luật Đất đai 2003. Không thực hiện bồi thường thiệt hại về đất cho gia đình bà L đúng theo phương án đã được phê duyệt như đã nêu trên là vi phạm nghiêm trọng Điều 42 Luật Đất đai 2003. Hành vi cưỡng chế thu hồi toàn bộ diện 2.383,5m² đất của gia đình bà L bàn giao cho chủ đầu tư, nhưng không thực hiện bồi thường thiệt hại về đất nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện C đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của gia đình bà L.

Thế nhưng, trong quá trình ban hành, tổ chức thực hiện Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 19/09/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C vào ngày 17/11/2008 bà L không được tổng đạt bản chính hay nhận được văn bản thông báo được biết về Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 19/09/2006 này.

Bà L mới biết được về Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 19/09/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là vào thời điểm đầu năm 2019 do yêu cầu sao chụp hồ sơ vụ án thụ lý số: 01/2013/TLST-HC ngày 02/04/2013 tại Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái bố trí định cư thuộc Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R - huyện C - TP. H số: 414/PA-BT ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R - huyện C; Bảng dự toán chi tiết chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng (kèm theo phương án bồi thường số: 414/PA-BT ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R - huyện C và Quyết định số 2959/QĐ-UB ngày 24 tháng 06 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R - huyện C. Nội dung các văn bản này thể hiện: Hộ gia đình

bà L (đứng tên đại diện Võ Thị Kim L) được Hội đồng thẩm định bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố H phê duyệt tổng số tiền bồi thường thiệt hại về đất 662,2m² và nhà cửa, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R - huyện C là 384.913.000đ (Ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm mười ba ngàn đồng).

Thế nhưng, ngày 31/08/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 696/QĐ-UBND về phê duyệt kinh phí bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc cho gia đình bà L với tổng số tiền bồi thường là 31.485.000đ là hành vi ban hành quyết định trái thẩm quyền, không phê duyệt kinh phí chi trả bồi thường thiệt hại về đất cho gia đình bà L là không đúng với phương án đã được Hội đồng thẩm định bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố H phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện C không ban hành quyết định thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R đối với gia đình bà L là hành vi trái pháp luật.

Do bị cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật và không được bồi thường thiệt hại về đất như đã nêu trên, bà L khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện C nhưng không công nhận.

[6] Căn cứ nội dung Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 27/04/2006 và Quyết định số: 2268/QĐ-UBND ngày 26/05/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về giải quyết khiếu nại (lần hai) của Bà Võ Thị Kim L đều thể hiện: *“Năm 1990, bà Võ Thị Kim L từ tỉnh T về tạm trú tại xã L, huyện C và tự bao chiếm một lô đất diện tích khoảng 2,270m² (một phần thửa 216, tờ bản đồ số 5 xã L), đắp nền cất nhà lá và đắp bờ bao xung quanh khu đất . . . Đến năm 1994, do cuộc sống khó khăn nên bà L dỡ nhà và di dời nơi khác ở, bỏ đất hoang hóa.”*.

Căn cứ Sổ hộ khẩu gia đình số 180002287 chủ hộ Võ Thị Kim L, số nhà 130B ấp L, xã L1, huyện C (xin đính kèm theo đơn) thể hiện tất cả năm thành viên trong gia đình bà Võ Thị Kim L đều đăng ký thường trú tại địa chỉ trên vào ngày 25/07/1994. Hơn nữa, theo quy định của pháp luật để được đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện C thì hộ bà Võ Thị Kim L phải có thời gian sinh sống liên tục tại địa phương trên ba năm.

Do vậy, có đầy đủ căn cứ để xác định gia đình bà L đã khai hoang đất, xây nhà lá để ở tại địa chỉ nêu trên là vào năm 1990, và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H nhận định *“Đến năm 1994, do cuộc sống khó khăn nên bà L dỡ nhà và di dời nơi khác ở, bỏ đất hoang hóa”* là hoàn toàn vô căn cứ.

[7] Sau khi thực hiện cưỡng chế thu hồi toàn bộ 2.383,5m² đất của gia đình bà L bàn giao cho chủ đầu tư quản lý vào ngày 17/11/2008 căn cứ vào Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 19/09/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 636/QĐ.UB ngày 30/07/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C nhưng lại viện lý do là cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện C không cho phép gia đình bà L dựng lại nhà cửa, hàng quán buôn bán trên phần đất còn lại của gia đình nằm ngoài phạm vi ranh giải tỏa thu hồi đất.

Căn cứ Phương án số: 414/PA-BT ngày 11/06/2004 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R và Quyết định số 2959/QĐ-UB ngày 24/06/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R: đối với

hộ dân khi bị giải tỏa mà còn lại đất nằm ngoài phạm vi ranh giải tỏa thực hiện dự án, nếu không thuộc trường hợp tái định cư thì được xây dựng lại nhà cửa trên phần đất còn lại nằm ngoài phạm vi giải tỏa, được chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định, các hộ dân bị giải tỏa cùng dãy nhà với bà L đều tương tự như vậy, được phép xây dựng lại nhà cửa trên phần đất còn lại nằm ngoài phạm vi ranh giải tỏa và được chuyển mục đích sử dụng đất. Thế nhưng, gia đình bà L thì không được xây dựng lại nhà cửa của mình trên phần đất còn lại nằm ngoài phạm vi ranh giải tỏa như đã nêu trên.

Do điều kiện sống vất vả, ngày 12/12/2012 vợ chồng bà L có sửa chữa, dựng lại một căn nhà lá (cột bằng cây Bạch đàn, mái và vách bằng lá dừa) rộng 6,5m X 6,5m = 42,25m² bên cạnh túp lều diện tích khoảng 40m² trên phần đất còn lại của gia đình như đã nêu trên, tổng diện tích cái chòi lá và cái túp lều này là 82,25m² vẫn nhỏ hơn diện tích 176,8m² đất xây dựng nhà ở trước năm 1993 đã bị phá dỡ để thu hồi đất vào ngày 17/11/2008. Việc bà L dựng lại một cái nhà lá để cho các con của bà Liên có chỗ ở đàng hoàng và buôn bán hàng quán như trước đây (có giấy phép kinh doanh năm 2002) với diện tích 42,25m² trên phần đất còn lại mà gia đình bà L đã khai hoang, quản lý sử dụng từ năm 1989 là không sai, là chính đáng và hợp pháp.

Thế nhưng, ngày 12/12/2012 Thanh tra xây dựng xã L1 lập Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 38/BB-VPHC (lập không, bà L không được biết) xác định bà L đã có hành vi *“Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng vi phạm vào điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ”*, trong khi việc dựng lại cái chòi lá trên phần đất mà bà Liên đã có nhà ở từ trước năm 1993, có giấy phép đăng ký kinh doanh buôn bán hàng quán vào năm 2002, thuộc khu vực nông thôn là không thuộc trường hợp phải có giấy phép xây dựng và phù hợp với Phương án số 414/PA-BT nêu trên.

Ngày 12/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện C có Tờ trình số 154/TTr-UBND về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng gửi trình đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L.

Ngày 13/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số 288/QĐ-UBND về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với bà Liên.

Ngày 15/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số 293/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với bà Liên.

Đến ngày 18/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ cái chòi lá (được cho là công trình vi phạm trật tự xây dựng) của gia đình bà L. Trong khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, TP. H chưa ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L theo Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 12/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C. Như vậy có nghĩa là bà L đã bị chế tài trong khi không hề có lỗi.

Cho đến nay Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, TP. H vẫn không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L theo Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày

12/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C. Như vậy, đây rõ ràng là hành vi cưỡng chế trái pháp luật.

Trong quá trình ban hành và thực hiện Quyết định cưỡng chế số 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012, Thanh tra xây dựng xã L, huyện C không lập biên bản vi phạm hành chính để xác định lỗi vi phạm (nếu có) mà gia đình bà L đã thực hiện là lỗi gì, được quy định tại Khoản mấy, Điều mấy của Bộ Luật nào. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C không thực hiện tổng đạt các Quyết định đình chỉ thi công xây dựng số 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 và Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng cho gia đình bà L.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số: 38/BB-VPHC ngày 12/12/2012 và Quyết định về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị số: 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 đều có nội dung xác định bà L đã có hành vi vi phạm: *“Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng vi phạm vào điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ”*. Trong khi việc bà L dựng lại cái chòi lá có kết cấu là cột bằng cây bạch đàn, vách lá, mái lá không thuộc trường hợp tổ chức thi công công trình phải xin giấy phép xây dựng (như nhận định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C) được quy định tại Khoản 2 Điều 3; Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 62 Luật Xây dựng năm 2003.

Ngày 18/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ căn chòi lá 42,25m² của bà L xác định bà Liên đã có hành vi vi phạm: *“Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng vi phạm vào điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ”* là hành vi cố ý bỏ qua chứng cứ của bà L về quá trình sử dụng đất, cố ý áp dụng sai điều luật, hoàn toàn không đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 3; Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 62 Luật Xây dựng năm 2003 quy định về trường hợp miễn giấy phép xây dựng đối với trường hợp của bà L

Căn cứ vào hồ sơ vụ án cho thấy rằng: Ngày 12/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C có Tờ trình về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng số 154/TTr-UBND gửi đến Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị xử phạt theo thẩm quyền. Thế nhưng, đến ngày 18/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C tổ chức thực hiện việc cưỡng chế phá dỡ cái chòi lá 42,25m² của chúng bà L trong khi (cho đến nay) chưa có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đối với gia đình bà L theo Tờ trình về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng số 154/TTr-UBND ngày 12/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án cho thấy rằng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định cưỡng chế số 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 đối với bà L cho niêm yết quyết định này tại trụ sở ban nhân dân ấp L vào ngày 15/12/2012, sau đó tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ căn chòi lá 42,25m² của gia đình bà L vào ngày 18/12/2012 là chưa hết thời hạn niêm yết, do vậy không đúng quy định về trình tự thủ tục xử lý vi phạm hành chính (nếu có) của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C bỏ Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 vào bao thư rồi trao cho bà L vào chiều ngày 17/12/2012, sau đó tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ căn chòi lá 42,25m² của gia đình bà L vào ngày 18/12/2012 là không đúng quy định trình tự thủ tục về xử lý vi phạm hành chính (nếu có)

của Chính phủ. Hành vi nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C đã tước đi của bà L cơ hội cũng như quyền yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền cũng như Tòa án nhân dân huyện C áp dụng biện pháp ngăn chặn hành vi cưỡng chế sai phạm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C.

[8] Để đảm bảo quyền được kinh doanh buôn bán (có giấy phép đăng ký kinh doanh) như trước đây, ngày 30/09/2013 bà L có đơn trình báo về việc dựng lại nhà ở và hàng quán buôn bán bị giải tỏa để thực hiện dự án gửi đến Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C.

Ngày 08/10/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Công văn số 234/UBND trả lời đơn của bà L nội dung thể hiện: *“Vị trí đất của bà L dự kiến dựng lại nhà nêu trên thuộc một phần thửa 216-4, tờ bản đồ số 05 (bản đồ 02), xã L1, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, thu hồi diện tích 2020,1m² và buộc tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trong lộ giới theo Quyết định số 636/QĐ.UB ngày 30/07/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C. Do đó, việc bà Liên dựng lại căn nhà là không đúng với quy định của nhà nước . . .”*.

Ngày 15/10/2013 gia đình bà L tiến hành dựng lại căn nhà mái lá, vách lá, khung cột cây, diện tích 147,24m² trên phần đất còn lại của gia đình đang quản lý sử dụng từ năm 1989 như đã nêu trên.

Ngày 20/01/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số: 10/QĐ-UBND về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với bà L xác định bà L đã vi phạm: *“Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng”*. Trong khi tại thời điểm này không có hành vi xây dựng.

Ngày 23/01/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số: 12/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng đối với bà L phạt bà L 2.000.000 đồng; Biện pháp khắc phục hậu quả là buộc bà Võ Thị Kim L phá dỡ toàn bộ công trình vi phạm trật tự xây dựng.

Ngày 23/01/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số: 13/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với bà L

Ngày 26/10/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số: 230/QĐ-UBND về thu hồi hủy bỏ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C.

Ngày 26/10/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số: 231/QĐ-UBND về thu hồi hủy bỏ Quyết định số 12/QĐ-XPVPHC ngày 23/01/2015 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C.

Ngày 26/10/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số: 232/QĐ-UBND về thu hồi hủy bỏ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C.

Như vậy, hành vi xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn với diện tích 147,24m², kết cấu mái lá, vách lá, khung cột cây, nền gạch của bà L không bị đình chỉ, không vi phạm pháp luật về quản lý trật tự xây dựng, và nhà ở riêng lẻ ở nông thôn với diện tích 147,24m²

này của bà L không bị buộc phải phá dỡ, bà Liên cũng không có hành vi vi phạm pháp luật xây dựng.

Thế nhưng, ngày 05/11/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số: 240/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng đối với gia đình bà L. Nội dung quyết định thể hiện: ***Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà Võ Thị Kim L phá dỡ toàn bộ công trình gồm các khối nhà ở, mái che, nhà bếp, hàng rào với tổng diện tích 170,5m² và hàng rào dài 47m, nhưng không xác định rõ vị trí thửa đất xảy ra hành vi vi phạm hành chính (nếu có).***

Ngày 24/02/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện C ban hành Quyết định số: 21/QĐ-CC về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với gia đình bà L

Ngày 08/05/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện Cần Giờ ban hành Quyết định số: 90/QĐ-UBND về thu hồi hủy bỏ Quyết định số 21/QĐ-CC ngày 24/02/2017 về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C.

Ngày 11/05/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C tiếp tục ban hành Quyết định số: 92/QĐ-CC về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với gia đình bà L

Khi bà L khiếu nại Quyết định số: 240/QĐ-KPHQ ngày 05/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1. Ngày 23/01/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C ban hành Quyết định số: 08/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của Võ Thị Kim L. Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại thể hiện: “***Điều 1. Không công nhận nội dung khiếu nại của Bà Võ Thị Kim L, ngụ tại 130 B ấp L, xã L1, huyện C, thành phố H, về xem xét và hủy bỏ Quyết định số: 240/QĐ-KPHQ ngày 05/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng.***”

Ngày 21/06/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố H ban hành Quyết định số: 601/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Võ Thị Kim L. Nội dung quyết định thể hiện: “***Điều 1. Không công nhận đơn khiếu nại của bà Võ Thị Kim L, khiếu nại, yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định số: 240/QĐ-KPHQ ngày 05/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng và Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 về giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Kim L.***”

Căn cứ vào Quyết định số: 240/QĐ-KPHQ ngày 05/11/2016 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C, lực lượng chức năng của Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C đã liên tục, rất nhiều lần kéo lực lượng rất đông đến nhà bà L yêu cầu gia đình bà L phải tự phá dỡ nhà ở của mình, nếu không thì sẽ bị lực lượng chức năng xã L1 cưỡng chế, phá dỡ.

Ngày 26/06/2020 Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C tiếp tục ban hành Thông báo số 978/TB-UBND về thời gian tổ chức thực hiện việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với gia đình bà L.

Ngày 03/07/2020 Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ toàn bộ nhà cửa diện tích 170,5m² của bà L trong khi chưa có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền xử phạt đối với gia đình bà L.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để ban hành Quyết định số 92/QĐ-CC ngày 11/05/2017 về cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra nhằm thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định số 240/QĐ-KPHQ ngày 05/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng đối với gia đình bà L. Trong khi Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ chỉ áp dụng cho đối tượng: *“bị xử phạt vi phạm hành chính đã quá thời hạn chấp hành hoặc quá thời hạn hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã quá thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra mà không tự nguyện chấp hành”* (quy định tại Điều 2 của Nghị định), cho đến nay gia đình bà L không bị xử phạt vi phạm hành chính, bởi vì quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình bà L đã bị hủy bỏ. Do vậy, gia đình bà L không phải là đối tượng bị điều chỉnh bởi Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, không thuộc trường hợp buộc phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

[9] Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 12/06/2006, Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 19/09/2006 và Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 21/06/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012, Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012, Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 20/01/2015, Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 23/01/2015, Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1: các quyết định này đều xác định khu đất tại địa chỉ số 130B ấp L, xã L1, huyện C, TP. H (khu đất gia đình bà Liên đang ở, quản lý sử dụng) thuộc một phần thửa 30, 31 tờ bản đồ số 77, xã L1, huyện C (Tài liệu bản đồ kỹ thuật số - Số liệu địa chính 2005).

Về thiệt hại thực tế do hành vi trái pháp luật gây ra từ tháng 11/2008 đến tháng 07/2021:

- Thiệt hại do thu nhập hàng tháng bị mất đi:

Khi còn bán quán ăn bình dân gia đình bà L có thu nhập trung bình hàng tháng là 10.000.000đồng (mười triệu đồng), do vậy thiệt hại từ 11/2008 đến 07/2021 là:

176 tháng x 10.000.000đ/tháng = 1.760.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

- Thiệt hại về tài sản:

+ *Thiệt hại do hành vi cưỡng chế phá dỡ nhà cửa vào ngày 18/12/2012:*

Chi phí vật tư là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Chi phí nhân công là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

+ *Thiệt hại do hành vi cưỡng chế phá dỡ nhà cửa vào ngày 03/07/2020:*

150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng mức thiệt hại là:

$1.760.000.000 + 15.000.000 + 150.000.000 = 1.925.000.000$ (một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

1. Tuyên hủy toàn bộ nội dung và quyết định số: 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

2. Tuyên hủy toàn bộ nội dung và quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự chung.

3. Xác định hành vi cưỡng chế phá dỡ căn nhà lá của bà L với diện tích $42.25m^2$ tại địa chỉ 130B ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H vào ngày 18/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C là hành vi trái pháp luật.

4. Xác định hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C cưỡng chế phá dỡ nhà ở của bà L với diện tích $170,5m^2$ tại địa chỉ 130B ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H vào ngày 03/7/2020 là hành vi trái pháp luật.

5. Xác định cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và tuyên buộc cơ quan này bồi thường thiệt hại cho bà L 1.925.000.000 đồng do hành vi trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C gây ra.

- *Quá trình giải quyết vụ án Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C trình bày:*

1. Về pháp lý đất đai:

Khu đất có diện tích $2.383,5m^2$ nằm một phần thửa 30, 31; thuộc tờ bản đồ số 77; tọa lạc xã L1 có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã L1 quản lý theo Chỉ thị 02/CT-UB. Bà Võ Thị Kim L đã tự ý bao chiếm và xây dựng nhà ở không phép do đó đã bị xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 13 tháng 01 năm 1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (*phạt tiền 5.000.000 đồng; Phạt bổ sung thu hồi toàn bộ diện tích lấn chiếm trừ $200m^2$ đã được Hội đồng xét cấp đất xã L1 nhất trí đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp đất thổ cư cho bà Võ Thị Kim L*) và Quyết định số 636/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (*phạt tiền 10.000.000 đồng, biện pháp khắc phục hậu quả thu hồi toàn bộ diện tích $2.020,01m^2$ đất lấn chiếm không bồi thường (trong đó có $667,78m^2$ nằm trong lộ giới) thuộc một phần thửa 216-4, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã L1 và buộc tháo dỡ công trình trong lộ giới; Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 phối hợp Trưởng phòng Quản lý đô thị hướng dẫn bà Võ Thị Kim L lệ thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích $200m^2$ (ngang 10m, dài 20m)*).

Ngày 05 tháng 8 năm 2003, bà Võ Thị Kim L làm đơn khiếu nại Quyết định số 636/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Ngày 29 tháng 10 năm 2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 1171/QĐ-UB về giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Kim L với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Võ Thị Kim L.

Không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại, bà Võ Thị Kim L tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Ngày 27 tháng 4 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1944/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Thị Kim L với nội dung: Công nhận nội dung Quyết định số 1171/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giò, không công nhận khiếu nại của bà Võ Thị Kim L.

Căn cứ kết quả giải quyết khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2006 về thu hồi khu đất có diện tích 2.383,5m², nhằm một phần các thửa 30, 31, thuộc tờ 77, tọa lạc xã L1. Giao cho Ủy ban nhân dân xã L1 quản lý và Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2006 về giao khu đất có diện tích 200m² nhằm một phần thửa 30, 31 thuộc tờ 77, tọa lạc xã L1 cho bà Võ Thị Kim L

Do bà Võ Thị kim L không tự nguyện chấp hành thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công tuyến đường R. Ngày 19 tháng 9 năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 109/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 636/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2003.

Ngày 17 tháng 4 năm 2008, Thanh tra xây dựng đã tổ chức cưỡng chế phá dỡ toàn bộ công trình xây dựng vi phạm và cấm mốc, thu hồi toàn bộ khu đất lấn chiếm có diện tích 2.383,5m², nhằm một phần các thửa 30, 31, thuộc tờ 77, tọa lạc xã L1. Đồng thời cấm mốc giao ranh khu đất diện tích 200m² cho bà Võ Thị Kim L. Sau khi cưỡng chế, bà L dựng một chòi lá tại khu đất trên dùng làm nơi tạm trú.

2. Quá trình xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện quyết định:

Ngày 03 tháng 12 năm 2012, bà Võ Thị Kim L tiến hành xây dựng công trình không phép trên khu đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 77. Ủy ban nhân dân xã L1 đã tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 13 tháng 12 năm 2012, Ủy ban nhân dân xã L1 ban hành Quyết định số 288/QĐ-UBND về đình chỉ thi công trình vi phạm trật tự xây dựng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2012, Ủy ban nhân dân xã L1 ban hành Quyết định số 293/QĐ-UBND về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng, diện tích 42,25m², kết cấu móng đá chẻ, đà kiềng bê tông cốt thép, khung cây, vách lá, mái lá.

Ngày 18 tháng 12 năm 2012, Ủy ban nhân dân xã L1 phối hợp với các ban ngành tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng.

Tuy nhiên, tháng 01 năm 2015, Bà L tiếp tục xây dựng công trình không phép tại khu đất nêu trên, diện tích xây dựng công trình nhà ở 147,24m², kết cấu móng đá chẻ, khung cột cây, vách lá, mái lá, nền gạch; công trình hàng rào tổng chiều dài 47m, kết cấu cột cây, lưới B40 + lá. Do đó, Ủy ban nhân dân xã L1 đã lập hồ sơ và ban hành các quyết định xử lý vi phạm (*Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2015 về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng; Quyết định số 12/QĐ-XPVPHC ngày 23 tháng 01 năm 2015 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng; Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2015 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng*).

Căn cứ vào các quyết định xử lý vi phạm nêu trên, ngày 19 tháng 9 năm 2016 phòng Quản lý đô thị huyện ban hành Thông báo số 58/TB-QLĐT về việc thực hiện cưỡng chế phá

dỡ công trình vi phạm theo kế hoạch số 02/KH-QLĐT về tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng (theo công văn số 633/UBND ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện C). Đồng thời, để đảm bảo cơ sở pháp lý trước khi cưỡng chế Ủy ban nhân dân huyện giao Thanh tra nhà nước huyện chủ trì phối hợp với các phòng chức năng và Ủy ban nhân dân xã L1 rà soát lại toàn bộ hồ sơ xử để xử lý đảm bảo theo quy định pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2016, Thanh tra huyện có báo cáo số 326/TTH về kết quả rà soát hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng, qua đó có ý kiến một số nội dung quyết định chưa đảm bảo như: *việc xác định thời điểm vi phạm của từng công trình chưa chặt chẽ,...; trách nhiệm cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, việc phòng Quản lý đô thị chủ trì, tổ chức là chưa phù hợp,...*

Ngày 06 tháng 10 năm 2016, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 465/TB-VP về thông báo nội dung kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trương Tiến Triển tại buổi họp nghe báo cáo một vụ việc. Qua đó, kết luận chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã L1 hoãn thi hành Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2015 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng của bà L; Ban hành Quyết định thu hồi hủy bỏ các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L và lập lại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo đúng trình tự thủ tục quy định.

Để đảm bảo đúng quy định, ngày 18 tháng 10 năm 2016 Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị có liên quan tiến hành làm việc về rà soát hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo từng thời điểm vi phạm của chủ đầu tư và xác định thời điểm vi phạm đã hết, nên thống nhất là không xử phạt mà chỉ thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Do đó, sau khi rà soát ngày 26 tháng 10 năm 2016 Ủy ban nhân dân xã L1 ban hành các Quyết định số 230/QĐ-UBND về thu hồi hủy bỏ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2015 về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng; Quyết định số 231/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 12/QĐ-XPVPHC ngày 23 tháng 01 năm 2015 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng; Quyết định số 232/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2015 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và theo trình tự thủ tục quy định về xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng.

Ngày 01 tháng 11 năm 2016, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với đội Thanh tra xây dựng địa bàn huyện và Ban nhân dân ấp L tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu Chủ đầu tư tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 05/BB-VPHC.

Ngày 05 tháng 11 năm 2016, Ủy ban nhân dân xã L1 ban hành Quyết định số 240/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng.

Ngày 21 tháng 11 năm 2016, bà Liên có đơn khiếu nại xem xét lại Quyết định số 240/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã L1 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017, Ủy ban nhân dân xã L1 trả lời khiếu nại tại quyết định số 08/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Thị Kim L, cư trú tại 130B, ấp L, xã L1, huyện C.

Ngày 11 tháng 5 năm 2017 Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định số 92/QĐ-CC về tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với công trình do bà L làm chủ đầu tư.

Sau đó Ủy ban nhân dân xã L1 xây dựng kế hoạch cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm. Tuy nhiên do công việc đột xuất nên tạm hoãn lại.

Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 25 tháng 7 năm 2019, Nghị quyết số 30-NQ/HU ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Huyện ủy, Kế hoạch số 4194/KH-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện, ngày 13 tháng 3 năm 2020 Ủy ban nhân dân xã L1 xây dựng kế hoạch số 348/KH-UBND cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn xã L1 và dự kiến ngày 26/3/2020 sẽ cưỡng chế nhà bà Võ Thị Kim L, mặt khác trước khi tổ chức cưỡng chế Ủy ban nhân dân xã đã mời bà L để tiếp xúc vận động nhưng bà L không hợp tác.

Căn cứ công văn số 1542/UBND ngày 07/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc tạm dừng tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trên địa bàn huyện, do tình hình dịch bệnh Covid-19, Ủy ban nhân dân xã L1 tạm dừng cưỡng chế.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 Ủy ban nhân dân xã L1 ban hành thông báo số 978/TB-UBND về thông báo thời gian tổ chức thực hiện việc cưỡng chế phá dỡ công trình công trình vi phạm trật tự xây dựng do bà làm chủ đầu tư, qua đó ngày 03 tháng 7 năm 2020 sẽ tổ chức cưỡng chế.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ, đồng thời căn cứ các quy định liên quan, Ủy ban nhân dân xã L1 nhận thấy việc tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được nêu trên đối với bà Võ Thị Kim Liên là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Ủy ban nhân dân xã L1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện xét xử theo hướng như sau:

1. Giữ nguyên toàn bộ nội dung và Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

2. Giữ nguyên toàn bộ nội dung và Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng.

3. Xác định hành vi cưỡng chế phá dỡ căn nhà lá của bà Liên với diện tích 42,25m², tại địa chỉ 130B ấp L xã L1, huyện C, Thành phố H vào ngày 18/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C là đúng quy định của pháp luật.

4. Xác định hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C cưỡng chế phá dỡ nhà ở của tôi với diện tích 170,5m², tại địa chỉ 130B ấp L xã L1, huyện C, Thành phố H vào ngày 03/7/2020 là đúng quy định của pháp luật.

5. Không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà L với số tiền là 1.925.000.000 đồng (một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu đồng) do không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo bản tự khai ngày 22/10/2021, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác minh thu thập chứng cứ, tổ chức đối thoại giữa các đương sự được thực hiện đúng quy định tại các Điều 20; Điều 38; Điều 125; Điều 126; từ Điều 131 đến Điều 140; Điều 146 và Điều 147 Luật Tố tụng hành chính.

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các hoạt động tố tụng tại phiên tòa được quy định tại Điều 148 đến Điều 189 và Điều 41 Luật tố tụng hành chính.

Tuy nhiên, cần tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 130 Luật tố tụng hành chính.

Về tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người khởi kiện, người bị kiện đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thời hiệu khởi kiện vụ án:

Ngày 13/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 ban hành Quyết định 288/QĐ-UBND về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị và ngày 15/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 ban hành Quyết định 293/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng. Đến ngày 28/12/2012 bà Võ Thị Kim L nộp đơn khởi kiện, do đó thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính vẫn còn theo quy định tại Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị; Quyết định 293/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng và xác định hành vi cưỡng chế phá dỡ căn nhà lá của bà L với diện tích 42.25m² tại địa chỉ 130B ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H vào ngày 18/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C là hành vi trái pháp luật; xác định hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C cưỡng chế phá dỡ nhà ở của bà L với diện tích 170,5m² tại địa chỉ 130B ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H vào ngày 03/7/2020 là hành vi trái pháp luật; xác định cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và tuyên buộc cơ quan này bồi thường thiệt hại cho bà L 1.925.000.000 đồng do hành vi trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C gây ra. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1

nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng hành chính 2015.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 3 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét tính hợp pháp của Quyết định 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xã L1 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị và Quyết định 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thẩm quyền và thủ tục ban hành quyết định số 288 và 293:

Theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Quyết định số: 89/2007/QĐ-TTg ngày 18/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận, huyện và Thanh tra Xây dựng xã phường, thị trấn thành phố H và Thành phố H thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, nếu chủ đầu tư không tự phá dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm hoặc vắng mặt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp phường ra quyết định cưỡng chế phá dỡ bộ phận công trình vi phạm và tổ chức phá dỡ. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 ban hành quyết định số 288 và 293 đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về nội dung Quyết định 288 và 293:

Xét việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị và cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng theo quyết định 288 và 293, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Về nguồn gốc đất khu đất có diện tích 2.383,5m² nhằm một phần thửa 30, 31; thuộc tờ bản đồ số 77; tọa lạc xã L1 có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã L1 quản lý theo Chỉ thị 02/CT-UB, bà Liên chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích xây dựng nêu trên mà đã tổ chức thi công xây dựng công trình với hiện trạng kết cấu móng đá chẻ, đà kiềng bê tông cốt thép, khung cây, vách lá, mái lá, diện tích 42,25m² trên phần diện tích thuộc một phần thửa đất số 30; tờ bản đồ số 77; tọa lạc xã L1, huyện C, Thành phố H không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng là vi phạm các quy định tại Điều 62 và Điều 72 Luật xây dựng năm 2003 và Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính số 38/BB-VPHC ngày 12/12/2012 của Thanh tra xây dựng xã đã ban hành Quyết định 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị và Quyết định 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về hủy bỏ Quyết định số: 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị và Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1.

Xét thấy, các Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị và Quyết định 293/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 là đúng

trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định hành vi cưỡng chế phá dỡ căn nhà lá của bà L với diện tích 42.25m² vào ngày 18/12/2012 và cưỡng chế phá dỡ nhà ở của bà L với diện tích 170,5m² ngày 03/7/2020 tại địa chỉ 130B ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H là hành vi trái pháp luật. Đồng thời, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cho bà L 1.925.000.000 đồng do hành vi trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1 huyện C không có cơ sở để Hội đồng xét xét chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do yêu cầu của người khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 3; Điều 28; Điều 29; Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010.

Căn cứ vào Điều 3; Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 157; Điều 193; Điều 194 và Điều 204 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Căn cứ vào Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ vào Điều 62 và Điều 72 Luật xây dựng năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ;

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 24; Điều 27 Pháp lệnh án phí số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L về:

- Tuyên hủy toàn bộ nội dung và quyết định số: 288/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

- Tuyên hủy toàn bộ nội dung và quyết định số: 239/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự chung.

- Xác định hành vi cưỡng chế phá dỡ căn nhà lá của bà L với diện tích 42,25m² tại địa chỉ 130B ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H vào ngày 18/12/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C là hành vi trái pháp luật.

- Xác định hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C cưỡng chế phá dỡ nhà ở của bà L với diện tích 170,5m² tại địa chỉ 130B ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H vào ngày 03/7/2020 là hành vi trái pháp luật.

- Xác định cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và tuyên buộc cơ quan này bồi thường thiệt hại cho bà L 1.925.000.000 đồng do hành vi trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C gây ra.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) bà Võ thị Kim L phải chịu; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AC/2010/03943 ngày 02 tháng 04 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo:

Người khởi kiện, người bị kiện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thụ